

NĂM NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (2006-2010) CỦA TẬP ĐOÀN THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

PGS.TS. NGUYỄN CẢNH NAM
Trưởng Quản trị Kinh doanh-TKV

Ngày 26/12/2005 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 345/2005/QĐ-TTg thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than-khoáng sản Việt Nam (TKV) trên cơ sở hợp nhất Tập đoàn Than Việt Nam và Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam và hình thành Tập đoàn các công ty-Việt Nam (Tập đoàn TKV). Đến ngày 11/10/2006 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 228/2006/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của TKV.

TKV là công ty mẹ nhà nước, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước và theo Điều lệ của Tập đoàn. Tập đoàn TKV là tổ hợp không có tư cách pháp nhân bao gồm công ty mẹ (TKV), các công ty con và công ty liên kết.

Trong 5 năm xây dựng và phát triển (2006-2010), Tập đoàn TKV đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời khẳng định sự đúng đắn của một mô hình mới, một xu thế mới là Mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước-Hạm đội xuyên đại dương của nền kinh tế nước ta vươn ra biển lớn trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa. Sau đây là những thành tựu tiêu biểu trong 05 năm qua của Tập đoàn TKV:

1. Mau chóng ổn định và từng bước kiện toàn tổ chức quản lý theo mô hình mới - Mô hình tập đoàn kinh tế hiệu quả

Ngay sau khi được thành lập, Tập đoàn TKV tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, đổi mới và phát triển mô hình tổ chức quản lý theo hướng hình thành các trung tâm quản lý, điều hành tập trung với phương châm nắm những ngành, lĩnh vực chính, quy mô lớn hoặc có tầm quan trọng; phối hợp hành động thống nhất; phát triển quan hệ đầu tư tài chính và đồng lợi ích; đa dạng hóa sở hữu và tăng cường tính tự chủ, tự lo, tự chịu trách nhiệm, sáng tạo, năng động của các doanh nghiệp nhằm khai thác tối đa các nguồn lực, các lợi thế, các tiềm năng tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động để không ngừng tăng nhanh sản lượng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Trên tinh thần đó Tập đoàn đã triển khai:

a. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn theo hướng:

- ❖ Tăng cường bộ máy quản lý điều hành của TKV, Trung tâm điều hành sản xuất Quảng Ninh để đảm bảo cho Công ty mẹ thực sự nắm quyền chỉ phối, là trung tâm điều hành, phối hợp hoạt động kinh doanh vì mục tiêu chung của Tập đoàn và các công ty thành viên.

- ❖ Giảm bớt các đầu mối do TKV trực tiếp quản lý trên cơ sở thành lập hoặc nâng cấp một số công ty thành viên lớn thành tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó công ty mẹ nắm quyền chỉ phối và là các trung tâm điều hành, phối hợp kinh doanh trong một số lĩnh vực, ngành nghề hoặc vùng lãnh thổ.

- ❖ Các công ty con hoạt động theo chuyên môn hóa, tập trung phát triển kinh doanh một hay hai ngành chính theo cách chuyên sâu.

- ❖ Giải thể hoặc rút vốn tại một số doanh nghiệp hoạt động không có hiệu quả.

b. Tiếp tục thực hiện CPH và chuyển đổi doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp. Từ 1/7/2010 TKV và các công ty con đã chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới hình thức công ty TNHH hoặc công ty cổ phần.

- ❖ Tiếp nhận các doanh nghiệp gia nhập Tập đoàn.

- ❖ Thành lập mới doanh nghiệp.

- ❖ Xây dựng hệ thống chính trị đồng bộ, vững mạnh đảm bảo giữ vững đường lối và thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược trong toàn Tập đoàn TKV.

2. Tiếp tục hoàn thiện và thiết lập cơ chế quản lý nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của Tập đoàn hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con

Ngoài các quy chế quản lý theo các lĩnh vực như quy chế tài chính; chế độ kế toán; quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; quy chế quản lý cán bộ; quy chế quản lý tiền lương và thu nhập; quy chế quản lý vật tư và thiết bị; quy chế quản lý và bảo vệ môi trường; quy chế đào tạo phát triển nguồn nhân lực,... Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện, đổi mới và phát triển các công cụ bao gồm: Thị trường nội bộ Tập đoàn các công ty TKV, kế hoạch phối hợp kinh doanh, cơ chế khoán quản chi phí theo công đoạn, các quỹ tập trung của toàn Tập đoàn (quỹ môi trường, quỹ thăm dò tài nguyên, quỹ nghiên cứu khoa học, quỹ cấp cứu mỏ, quỹ đào tạo-y tế-phục hồi chức năng, quỹ sắp xếp lao động, quỹ thưởng trong lương,...).

Bảng 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn VINACOMIN 2006-2010

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010*
I. Sản phẩm chủ yếu					
1. Than, 10^6 T					
a. Than tiêu thụ	37,6	41,6	35,4	44,5	42,6
b. Than thành phẩm	37,0	42,2	38,6	43,0	43,0
c. Than nguyên khai	40,7	45,5	44,7	45,9	46,7
d. Bóc đất đá, 10^6 m ³	193,0	210,6	216,5	208,7	226,5
Đ. Đào lò, 10^6 m ³	226,6	274,8	279,6	318,9	337,5
2. Khoáng sản-L.kim, 10^3 T					
- Thiếc thô	1,233	1,162	1,022	0,42	0.755
- Kẽm thô	2,464	7,192	8,7	6,8	9.00
- Đồng tấm	-	-	2,5	6,0	5,80
- Gang đúc	23,6	28,9	32,1	18,55	28,00
- Vàng kim loại (kg)	-	-	55,0	261	260
- Tinh quặng Cu 25% xk	26,8	45,4	18,4	20,0	45,5
- Tinh quặng sắt 65%	-	44,3	44,9	60,0	51,0
- Quặng Ilmenit	25,0	12,1	9,2	6,9	-
- Fero các loại	1,6	1,66	2,2	1,69	0.92
- Axít H ₂ SO ₄	-	5,1	26,6	35,1	29,8
3. VLNCN, 10^3 T					
- Sản xuất	39,0	45	34	45,5	50,5
- Cung ứng	71,7	76	75	85	90,0
4. SX điện, 10^6 kWh	720,0	1.155,0	1.486,0	1.576	3.600
5. VLXD và khác					
- Xi măng, 10^3 T	350	368,7	421	517,5	551,9
- Gạch chỉ, 10^6 V	11	8,5	10,0	10,8	12,3
- Dầu nhờn, 10^6 lít	3,3	4,0	3,7	3,6	4,0
II. Tổng doanh thu, 10^3 tỉ đ	29,7	38,2	57,5	62,9	70,80
1. Doanh thu than	18,4	22,9	34,1	36,4	42,60
2. Doanh thu SX khác	10,6	15,3	23,4	26,5	28,20
III. Đầu tư XDCB, tỉ đ	5.976	8.857	10.826	19.218	23.029
1. Dự án điện	1.277	3.248	4.577	4.317	3.586
2. Dự án than và khác	4.699	5.609	6.249	14.901	14.443
IV. Lao động, tiền lương					
1. Tổng số LĐ b/q, 10^3 người	111,1	117,6	122,4	126	135
- SX than	82,9	82,2	85,2	86	94,5
2. NSLĐ, 10^6 đ/người	267,7	324,8	409,2	464,3	503,7
- SX than	222,0	278,5	375,4	427,4	444,4
3. Lương b/q, 10^3 đ/ng.th	3.824	4.318	5.386	5.996	6.200
- SX than	4.010	4.494	5.674	6.144	6.500
V. Các chỉ tiêu tài chính					
1. Lãi trước thuế, tỉ đ	2.658	3.044	6.371	4.879	5.000
2. Nộp ngân sách, tỉ đ	1.588	3.209	7.005	6.322	7.500
3. Vốn kinh doanh, tỉ đ	21.494	30.754	48.809	61.509	77.400
4. Vốn CSH, tỉ đ	7.774	10.838	15.679	16.819	22.500

Ghi chú: (*) Năm 2010 là các số liệu ước thực hiện.

Đây là những công cụ quan trọng để: (1) Công ty mẹ của Tập đoàn cũng như công ty mẹ của các tổng công ty, công ty lớn thực hiện quyền chi phối và vai trò trung tâm điều hành, phối hợp kinh doanh; (2) Đảm bảo phát huy tính tự chủ, tự lo, tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo của các công ty thành viên; (3) Thực hiện quá trình tập trung hóa, tích tụ hóa

và chuyên môn hóa.

Đặc biệt, Tập đoàn đã xây dựng và được Bộ trưởng Bộ Công Thương thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược PTBV Tập đoàn các công ty-Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" với mục tiêu phát triển Tập đoàn các công ty-Việt Nam theo hướng: "Tập đoàn công nghiệp-thương mại-tài

chính kinh doanh đa ngành có thương hiệu mạnh ở trong nước và nước ngoài” theo phương châm “Từ tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực đi lên giàu mạnh; thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; hài hòa với địa phương, cộng đồng; hài hòa với đối tác, bạn hàng; hài hòa giữa các công ty thành viên và người lao động” với tuyên ngôn “Vì một Tập đoàn các công ty Than-Khoáng sản Việt Nam Giàu mạnh-Thân thiện-Hài hòa”.

3. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển và mở rộng mô hình kinh doanh đa ngành tạo ra các chuỗi giá trị gia tăng trên nền công nghiệp than-khoáng sản

Mô hình kinh doanh đa ngành bao gồm các hoạt động chính: Khai khoáng (than, khoáng sản)-Năng lượng (điện, nhiên liệu)-Luyện kim (kim loại đen, kim loại màu)-Hóa chất (hóa chất cơ bản, vật liệu nổ công nghiệp)-Vật liệu xây dựng (xi măng, gạch, ngói...)-Cơ khí (thiết bị, máy mỏ, xe tải nặng, tàu thủy,...)-Xây lắp công trình-Dịch vụ (địa chất, khoa học công nghệ, tư vấn đầu tư, y tế, đào tạo, thương mại, tài chính, bảo hiểm, hàng hải, du lịch,...). Nhờ vậy, quy mô doanh thu không ngừng tăng nhanh hơn so với tốc độ tăng sản lượng, một số sản phẩm mới và cơ cấu doanh thu cũng chuyển dịch theo hướng kinh doanh đa ngành trên nền sản phẩm than-khoáng sản.

Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2006 đến 2010 của Tập đoàn TKV được nêu ở Bảng 1. Qua đó cho thấy từ năm 2006 đến 2010 trừ chỉ tiêu sản lượng còn lại các chỉ tiêu khác đều tăng trên 2 lần, trong đó tổng doanh thu đã tăng 2,36 lần (bình quân tăng 34,0 %/năm), đặc biệt doanh thu ngoài than tăng gần 2,7 lần (b/q 42,5 %/năm); cơ cấu doanh thu than: ngoài than tương ứng là 62 %: 38 % năm 2006; và 60,0 %: 40,0 % năm 2010.

4. Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế, phát triển thương mại, tài chính và từng bước mở rộng đầu tư ra nước ngoài khởi đầu cho một quá trình hình thành và phát triển Tập đoàn xuyên quốc gia có danh tiếng trên thế giới

Ngành than-khoáng sản do nhu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của mình nên sớm đối mặt với thị trường thế giới thông qua xuất nhập khẩu than và vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất, nhờ đó thu được kinh nghiệm thương trường thế giới từ rất sớm và ít ngỡ hơn khi bước vào hội nhập quốc tế. Từ chỗ chủ yếu hợp tác nghiên cứu khoa học và đào tạo với các đối tác truyền thống đã mở rộng hợp tác với các đối tác thuộc nhiều nước trên thế giới; từ chỗ chủ yếu hợp tác thương mại đã phát triển hợp tác tài chính, đầu tư cả trong và ngoài nước. Đến nay, Tập đoàn đã có Văn phòng đại diện và các công ty con hoạt động tại Lào và Campuchia, đang tích cực chuẩn bị triển khai các dự án đầu tư sang một số nước khác và huy động vốn trên thị trường quốc tế. □

Người biên tập: Đinh Ngọc Đăng

SUMMARY

The paper introduces the main achievements of VINACOMIN Corporation after Five Years of activities 2006-2010.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 42)

trường khá cao và ổn định với mức bình quân từ 6-8,5 %. Ngành Thép Việt Nam tăng trưởng liên tục với mức bình quân hàng năm trên 17 %/năm. Song ngành Thép Việt Nam đang phải đối mặt với sự “bùng nổ” nhiều dự án đầu tư không theo “Quy hoạch” và vì thế mà đang phải đối mặt với những thách thức về thiếu nguồn nguyên liệu, ô nhiễm và suy thoái môi trường do hoạt động sản xuất của các DN sản xuất thép. Vì thế, hoạt động KHCN, HĐKS, BVMT của VNSTEEL phải được củng cố và nâng cao nhằm tới mục tiêu: “khai thác và sử dụng hiệu quả TNKS trong nước, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của ngành Thép Việt Nam” góp phần ứng phó với BĐKH và kịch bản nước biển dâng của Việt Nam. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 145/2007/QĐ-TTg ngày 04/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thép Việt Nam giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025.
2. Phạm Chí Cường và nhóm tác giả. Nghiên cứu định hướng phát triển KHCN ngành Thép đến năm 2020. Hà Nội, năm 2006.
3. Nghiệm Gia, Nguyễn Đức Vinh Nam và nhóm tác giả. Giải pháp bảo vệ môi trường của Tổng Công ty Thép Việt Nam giai đoạn năm 2008-2010 và định hướng đến năm 2020. Tạp chí Công nghiệp, Bộ Công Thương. Hà Nội. 2009.
4. Nghiệm Gia và nhóm tác giả. Giải pháp đổi mới hiện đại hoá công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản của Tổng công ty Thép Việt Nam giai đoạn 2007-2025. Hội thảo KH Mỏ Toàn quốc lần thứ XVII. Thành phố Đà Nẵng ngày 02 tháng 8 năm 2006.

Người biên tập: Trần Văn Trạch

SUMMARY

The paper shows the directions of mineral science, technology and environmental protection of VNSTEEL corporation in period 1995-2010.